

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
Đề thi thử
(gồm 02 trang)

Môn thi chuyên: TIẾNG ANH
Ngày thi: 05/3/2023 – 15/3/2023

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm của Dự án The Gifted Battlefield – Ban Tiếng Anh.
2. Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm.
3. Giám khảo không quy tròn điểm thành phần của từng câu, điểm của bài thi.

B. BẢNG PHÂN BỐ ĐIỂM

STT	Phần thi	Số câu hỏi	Điểm
1	Lexico-Grammar	41	3.8
2	Reading	36	4.2
3	Writing	10	2.0
			10.0

C. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. LEXICO – GRAMMAR (3.8 points)

Part 1. (0.05 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	A	2	C	3	C	4	B	5	C	6	D	7	A	8	D	9	B	10	A
11	A	12	B	13	B	14	C	15	D	16	D								

Part 2. (0.1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	A	2	A	3	C	4	B	5	B	6	A	7	C	8	A	9	D	10	D
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	---

Part 3. (0.2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	meet	2	short	3	spread	4	bite	5	suit
---	------	---	-------	---	--------	---	------	---	------

Part 4. (0.1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	unadulterated	2	well/hard-earned	3	inequalities	4	retentive
5	weak-willed	6	afloat	7	infirm	8	assimilate
9	garrulous	10	catch-all				

II. READING (4.2 points)

Part 1. (0.1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	C	2	C	3	A	4	B	5	D	6	A	7	C	8	A	9	C	10	D
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	---

Part 2. (0.2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

1	D	2	A	3	E	4	B	5	C	6	G
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Part 3. (0.1 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

PASSAGE A

1	glasses/spectacles	2	Additionally/Furthermore/ Moreover/Besides/Also	3	truths/ realities	4	more
5	another	6	Although/While/Though	7	going/heading/travelling	8	direction
9	by	10	others				

PASSAGE B

11	addition	12	together	13	hit/struck	14	eruption
15	including	16	end	17	time	18	havoc/destruction/mayhem
19	to	20	melting				

III. WRITING (2.0 points)

(0.2 điểm cho 1 câu trả lời đúng)

- Thí sinh không sử dụng từ cho sẵn, không viết đúng số lượng từ: **không cho điểm**
- Thí sinh viết đúng 1 vế của câu: **0.1 điểm**

1. It **GOES WITHOUT SAYING (THAT) || CARL WILL FALL** in with the leader's opinion.
2. Had he not **FULLY COOPERATED**, || **THE BURGLAR WOULD NOT HAVE BEEN** arrested.
3. The town council has **GONE AHEAD || WITH** the construction of a wall round the park.
4. During the speech, the manager made **NO MENTION OF || THE SALARY REDUCTION/ (THE) SALARIES BEING REDUCED (WHATSOEVER).**
5. They should **THANK THEIR LUCKY STARS || (THAT) THEY GOT** away with only minor injuries.
6. The student was **SO TAKEN ABACK || BY THE TEST PAPER** that she broke into tears.
7. That you will **PASS THE EXAMINATION WITHOUT STUDYING || IS WISHFUL THINKING.**
8. Would you **RAISE ANY OBJECTION(S) || TO ME/MY** asking you for your help with the homework assignment?
9. Sarah thinks **IT IS (HIGH/ABOUT) TIME || SHE CALLED IT A** day after teaching in this school for twenty years.
or Sarah thinks **IT IS TIME || TO CALL IT A** day after teaching in this school for twenty years.
10. I thought **HE WAS PULLING || MY LEG** when he said he met the celebrity in the flesh.

***Markers should discuss the suggested answers and the marking scale thoroughly before marking the papers.
Thank you for your cooperation.***

- THE END -